

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NP
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **74 /2022/HS-ST**

Ngày **28 - 9 - 2022**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NP, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vàng Thị Dưa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vàng A Hỷ và ông Khoàng Văn Sơn.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện NP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NP, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Phùng Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NP, tỉnh Điện Biên; mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 56/2022/TLST-HS ngày 30/6/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐXXST-HS ngày 18/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/QĐXXST-HS ngày 29/8/2022 đối với bị cáo:

Quàng Văn T, Sinh năm: 1962, tại huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản N, xã NC, huyện NP, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 7/10; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Quàng Văn Tắng, (đã chết) và bà: Lò Thị Yên, (đã chết); Bị cáo có vợ thứ nhất: Quàng Thị Hương (đã chết); Vợ thứ 2: Lò Thị Mai, sinh năm: 1988 và 09 người con;

Tiền sự: Không; Tiền án: Không;

Bị bắt tạm giam ngày 21/4/2022 tại nhà tạm giữ Công an huyện NP đến nay, có mặt.

Nhân thân: Ngày 13/8/2009 UBND tỉnh Điện Biên ra Quyết định số 1450/QĐ đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc 24 tháng đối với Quàng Văn T tại Trại Thanh Hà, tỉnh Vĩnh Phúc. Đến năm 2011 thì chấp hành xong.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lường Văn Bình; Sinh năm: 1983;

Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân xã Nà Hỳ, huyện NP, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Sùng A Sinh, chức vụ : Phó chủ tịch UBND xã Nà Hỳ, huyện NP, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

Người làm chứng:

- + Ông Lường Văn Phong; Sinh năm: 1989;
- + Bà Lò Thị Thu; Sinh năm: 1989;
- + Ông Lường Văn Phay; Sinh năm: 1992;
- + Bà Lò Thị Hương; Sinh năm: 1983;
- + Ông Lường Văn Phượn; Sinh năm: 1994
- + Lò Thị Tội; Sinh năm: 1983;
- + Lò Thị Oan; Sinh năm: 1990;
- + Lò Thị May; Sinh năm: 1990;
- + Bà Cà Thị Vân; Sinh năm: 1996
- + Lò Thị Hằng; Sinh năm: 1991;
- + Lò Thị Lanh; Sinh năm: 1991;

Cùng trú tại: Bản N, xã NC, huyện NP, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1998 gia đình Quàng Văn T khai hoang được một mảnh đất lâm nghiệp tại bản Nà Hỳ 1, xã Nà Hỳ, huyện NP, tỉnh Điện Biên và canh tác đến năm 2018 thì bỏ hoang, không canh tác nữa. Cuối năm 2021 khu nương cũ của bị cáo đã mọc cây lên đến trạng thái rừng tự nhiên thứ sinh, gỗ núi đá rộng thường xanh, chưa có trữ lượng. Để chuẩn bị canh tác cho năm 2022, bị cáo đã nói với một số hộ dân trong bản N, xã NC, huyện NP là muốn thuê người phát nương với mức tiền công 200.000 đồng/1 người/1 ngày công nuôi cơm ăn trưa. Ngày 10/12/2021 bị cáo T thuê 11 người gồm Lường Văn Phong, Lò Thị Thu, Lường Văn Phay, Lò Thị Hương, Lường Văn Phượn, Lò Thị Tội, Lò Thị Oan, Cà Thị Vân, Lò Thị May, Lò Thị Hằng, Lò Thị Lanh. Những người được thuê tự mang theo dao quắm từ nhà đi và bắt đầu chặt phá buổi sáng từ 07 giờ đến 11 giờ trưa thì nghỉ về nhà bị cáo T ăn cơm, buổi chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ thì nghỉ chặt phá, trong vòng 04 ngày từ 10/12 đến 13/12/2021 thì chặt phá xong diện tích 6.047,69 m², tại tiểu khu 491, khoảnh 6 đã được quy hoạch rừng sản xuất theo Quyết định 1208/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên và giao cho cộng đồng dân cư bản Nà Hỳ 1, xã Nà Hỳ, huyện NP quản lý. Gây thiệt hại trị giá lâm sản là 6.236.448 đồng.

Đến ngày 03/01/2022, trong thời gian T đợi cây khô để đốt thì bị kiểm lâm phụ trách địa bàn phát hiện, cùng ngày Ủy ban nhân dân xã NC đã ra Quyết định đình chỉ hành vi phá rừng trái pháp luật đối với Quàng Văn T.

Ngày 04/01/2022 Hạt Kiểm lâm huyện NP đã phối hợp với Công an huyện NP, Viện kiểm sát huyện NP tổ chức khám nghiệm, đo đạc hiện trường

khu vực rừng bị hủy hoại. Kết quả khám nghiệm hiện trường đã xác định diện tích rừng bị hủy hoại là 6.047,69 m², đã giao cho cộng đồng bản Nà Hỳ 1, xã Nà Hỳ, huyện NP quản lý và bảo vệ.

Ngày 03/3/2022 Hạt Kiểm lâm huyện NP đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự hủy hoại rừng đối với tin báo về tội phạm như trên và chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện NP theo thẩm quyền.

Vật chứng Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 lưỡi dao quắm cũ bằng kim loại, đã qua sử dụng có chiều dài 32 cm và 01 lưỡi dao quắm cũ bằng kim loại, đã qua sử dụng có chiều dài 45 cm. Đối với 09 con dao quắm khác dùng để chặt phá rừng, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐDGTS ngày 25/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện NP, kết luận: Gỗ tròn từ nhóm V đến nhóm VIII có khối lượng 2,661 m³ có giá 5.322.000 đồng; củi tận thu 1,98 m³, có giá 297.000 đồng; Doanh thu từ dịch vụ môi trường rừng là 617.448 đồng/diện tích phá. Tổng tài sản đã định giá: 6.236.448đ (Sáu triệu hai trăm ba sáu nghìn bốn trăm bốn tám đồng).

Tại giai đoạn điều tra, bị cáo Quảng Văn T đã tự nguyện nộp tổng số tiền 6.236.448 đồng để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra;

Tại bản cáo trạng số 25/CT-KSNP ngày 30/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện NP, tỉnh Điện Biên truy tố bị can Quảng Văn T về tội hủy hoại rừng theo điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát duy trì công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Quảng Văn T mức án từ 24 đến 30 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 4 Điều 243 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra bị cáo đã nộp đủ số tiền 6.236.448 đồng (Sáu triệu hai trăm ba sáu nghìn bốn trăm bốn tám đồng) để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra nên không đề nghị xem xét phân trách nhiệm dân sự. Đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng vụ án và miễn án phí án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo T nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng và án phí. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T phạm tội lần đầu, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý và thuộc trường hợp nghiêm trọng do bản thân thiếu ý thức chấp hành pháp luật. Tại giai đoạn điều tra bị cáo đã tự nguyện nộp tiền bồi thường khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo mức án thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát. Không áp dụng hình phạt bổ sung là

phạt tiền theo qui định tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật Hình sự và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định.

Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về rừng cho Nhà nước.

Tại phiên tòa, bị cáo Quảng Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, nhất trí với luận cứ bào chữa của luật sư và không tranh luận gì với luận tội của Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về sự vắng mặt của đại diện nguyên đơn dân sự và những người làm chứng Lương Văn Phong, Lò Thị Thu, Lương Văn Phay, Lò Thị Hương, Lương Văn Phượn, Lò Thị Tội, Lò Thị Oan, Cà Thị Vân, Lò Thị May, Lò Thị Hằng, Lò Thị Lanh là những người được bị cáo thuê phát nương tại phiên tòa, đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ. Đại diện nguyên đơn dân sự có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy sự vắng mặt những người nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Quảng Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tuy bị cáo Quảng Văn T không tham gia việc khám nghiệm hiện trường nhưng bị cáo đã thừa nhận diện tích rừng bị hủy hoại 6.047,69 m² do bị cáo thuê 11 người cùng bản N, xã NC dùng dao quắm hủy hoại là nương cũ của bị cáo bỏ làm nương từ năm 2018 tại tiểu khu 491, khoảnh 6, với mục đích chặt phá rừng sản xuất để làm nương trồng lúa mà không xin phép chính quyền địa phương. Diện tích rừng bị hủy hoại trên đã giao cho cộng đồng dân cư bản Nà Hỳ 1, xã Nà Hỳ huyện NP quản lý và bảo vệ theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên. Gây thiệt hại diện tích rừng 6.047,69 m², giá trị lâm sản là 6.236.448 đồng. Vì vậy có đủ cơ sở để khẳng định bị cáo Quảng Văn T đã có hành vi phạm tội “Hủy hoại rừng” theo điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của Quảng Văn T bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, gây thiệt hại về lâm sản giá trị 6.236.448 đồng, gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, công tác quản lý và bảo vệ rừng trên địa bàn huyện NP. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ phá rừng trái phép là vi phạm pháp luật. Với mục đích kinh tế, muốn lấy đất để làm nương bị cáo đã bất chấp sự nghiêm cấm của pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm trước pháp luật nhằm giữ vững kỷ cương của pháp luật và răn đe,

giáo dục ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường sinh thái và phòng ngừa chung trong nhân dân.

[4] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo Quảng Văn T chưa có tiền án, tiền sự. Từ nhỏ được học đến lớp 7/10, hiểu biết pháp luật hạn chế nên đã có hành vi phạm tội trong vụ án này. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo Quảng Văn T đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, tại giai đoạn điều tra bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền 6.236.448 đồng khắc phục hậu quả nên cần phải xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho Quảng Văn T theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét đề nghị và luận tội của đại diện Viện kiểm sát mức hình phạt đối với bị cáo Quảng Văn T là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo: Đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Quảng Văn T theo Điều 50, điểm b, s khoản 1 Điều 51 và điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự; xem xét đến nguyên nhân, hoàn cảnh của bị cáo quyết định mức thấp nhất của khung hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị, cần được xem xét áp dụng mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 4 Điều 243 Bộ luật tố tụng hình sự, xét quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy bị cáo Quảng Văn T là nông dân lao động, nguồn thu nhập không có gì ngoài ngô và lúa, không có tài sản gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Quảng Văn T đã gây thiệt hại về rừng thuộc sở hữu Nhà nước, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về rừng cho Nhà nước. Tổng giá trị thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là 6.236.448 đồng, gia đình bị cáo đã nộp số tiền 6.236.448 đồng để khắc phục hậu quả. Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo.

[9] Về vật chứng vụ án: 01 lưỡi dao quắm cũ bằng kim loại, đã qua sử dụng có chiều dài 32 cm và 01 lưỡi dao quắm cũ bằng kim loại, đã qua sử dụng có chiều dài 45 cm là công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu để tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 09 con dao quắm khác dùng để chặt phá rừng, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Đối với số lâm sản gồm 2,661 m³ gỗ tròn và 1,980 m³ củi tận thu do hành vi hủy hoại rừng của Quảng Văn T gây ra trên diện tích 6.047,69 m², sau khi khám nghiệm hiện trường các Cơ quan chức năng không tiến hành thu giữ mà

để tại hiện trường và giao cho Ủy ban nhân dân xã Nà Hỳ, huyện NP quản lý để
sổ gỗ, củi trên tự phân hủy tái tạo lại môi trường nên không cần xem xét xử lý.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an
huyện NP, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện NP, Kiểm sát viên và
người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm
quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những
người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định
của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,
quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã
thực hiện đều hợp pháp.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và
điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, xét thấy bị cáo Quàng Văn T là đồng
bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy
định của Chính phủ nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ
thẩm có giá ngạch.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân
sự được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 331,
khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[13] Một số vấn đề khác: Đối với Lương Văn Phong, Lò Thị Thu, Lương
Văn Phay, Lò Thị Hương, Lương Văn Phượn, Lò Thị Tội, Lò Thị Oan, Cà Thị
Vân, Lò Thị May, Lò Thị Hằng, Lò Thị Lan cùng trú tại bản N, xã NC, huyện
NP, tỉnh Điện Biên là những người được bị cáo thuê phát nương, Cơ quan điều
tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, Viện kiểm sát
không truy tố nên Hội đồng xét xử không cần xem xét.

Hội đồng xét xử kiến nghị UBND xã Nà Hỳ và Hạt kiểm lâm huyện NP
cần có biện pháp và tăng cường công tác tuyên truyền về quản lý, bảo vệ diện
tích đất rừng đã được quy hoạch, thực hiện công tác giao đất giao rừng cụ thể, rõ
ràng tới người dân, cấm biển cấm để hạn chế tình trạng tội phạm về môi trường
rừng gia tăng trên địa bàn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38,
điểm a khoản 1 Điều 47 và khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331,
khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14
ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu,
miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố bị cáo Quàng Văn T phạm tội: Hủy hoại rừng.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Quảng Văn T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam: 21/4/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo Quảng Văn T đã bồi thường thiệt hại về tài sản cho Nhà nước số tiền 6.236.448 đồng (Sáu triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm bốn tám đồng) theo biên lai thu số 0002807 ngày 27/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NP, tỉnh Điện Biên. Bị cáo đã thi hành xong trách nhiệm bồi thường dân sự.

4. Xử lý vật chứng: Tuyên tịch thu tiêu hủy 02 con dao quắm lưỡi bằng kim loại, cán bằng gỗ là công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng (Có đặc điểm theo mô tả tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện NP, tỉnh Điện Biên).

5. Về án phí: Bị cáo Quảng Văn T được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án về phần bồi thường thiệt hại trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người bào chữa;
- CQĐT Công an huyện NP;
- Nhà tạm giữ Công an huyện NP;
- CQTHAHS huyện NP;
- Phòng KTNV và THA Tòa án tỉnh;
- PC 81 CA tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện NP;
- Chi cục THADS huyện NP;
- Hạt Kiểm lâm huyện NP;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Nà Hỳ;
- Lưu hồ sơ vụ án; HSTHA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vàng Thị Dưa

